

Bản án số: 114/2022/DSPT  
Ngày: 05 - 7 - 2022  
“V/v tranh chấp chia di sản  
thừa kế”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn H.

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh L.

Ông Lâm Thuận T.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị V - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Ph – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 và ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLPT- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐXX-PT ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 34/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Ghiệt Á, sinh năm 1951; nơi cư trú: Số 35/2, đường Tr H Đ, khóm B L 2, ph M B, thành phố L X, tỉnh A Gi.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Mai Hữu T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 35/2, đường Tr H Đ, khóm B L 2, phường M B, th ph L X, tỉnh A Gi (Giấy ủy quyền Công chứng ngày 03/03/2021).

**2. Bị đơn:** Bà Trần Thị Tư, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 16/5, Tr H Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Phạm Thành B, sinh năm 1946; nơi cư trú: Số 49/11, Kh Th D, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi (Giấy ủy quyền Công chứng ngày 31/01/2019).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Dương Công Ch, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số 456/6, khóm T H 2, phường M H, thành phố L X, tỉnh A Gi;

3.2. Ông Dương Minh H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 44Q1/6, khu vực 3, Nguyễn Văn Cừ, phường A Kh, quận Ni Ki, thành phố C Th;

3.3. Bà Dương Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 16/5, Trần Hưng Đạo, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi;

3.4. Ông Dương Anh T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp H Ph 4, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A Gi;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T:* Ông Phạm Thành B, sinh năm 1946; nơi cư trú: Số 49/11, Khúc Thừa D, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi (Giấy ủy quyền Công chứng ngày 31/01/2019);

3.5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1967;

3.6. Ông Dương Trần Quan A, sinh năm 1986;

3.7. Ông Trần Quan Nh, sinh năm 1989.

Cùng cư trú: Ấp Ph H, thị trấn Ch V, huyện Ph T, tỉnh A Gi;

3.8. Ông Dương Quang V, sinh năm 1970;

3.9. Ông Dương Trần Ngọc B, sinh năm 1972;

3.10. Ông Dương Trần Thanh Ph, sinh năm 1977.

Cùng nơi cư trú: Tổ 1, ấp M L, xã M H H, thành phố L X, tỉnh A Gi;

3.11. Ông Nguyễn Hiền A, sinh năm 1967;

3.12. Bà Nguyễn Lan Th, sinh năm 1991;

3.13. Cháu Trịnh Nguyễn Thiên Ph, sinh năm 2015.

Cùng nơi cư trú: Số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi;

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Ph:* Bà Nguyễn Lan Th, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi.

Nguyên đơn bà Trần Ghiệt Á kháng cáo; bị đơn bà Trần Thị T kháng cáo.

Các đương sự còn lại không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

(Ông B, Ch, H, T, V và B; bà Á, M có mặt; những người còn lại vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn, bà Trần Ghiệt Á trình bày:*

Cha mẹ gồm, cụ ông Trần Ngọc Ch (chết ngày 15/4/1980), cụ bà Dương Thị L (chết ngày 11/8/1995) sinh được 03 người con: bà Trần Thị Ch, Trần Ghiệt Á, Trần Thị T.

Bà Ch (chết ngày 28/6/1995) chung sống với ông Dương Văn D (chết ngày 10/4/2014) sinh 08 người con gồm các ông, bà Dương Công Ch, Dương Minh H, Dương Thị M, Dương Anh T, Dương Anh K, Dương Quang V, Dương Trần Ngọc B,

Dương Trần Thanh Ph.

Ông K (chết ngày 27/01/2015) chung sống với bà Trần Thị H sinh 02 người con gồm Dương Trần Quan A và Trần Quan Nh.

Trong thời gian chung sống cụ Ch, cụ L tạo lập được tài sản là căn nhà gắn liền với đất có cấu trúc sàn ván, khung gỗ, vách ván, tole, mái ngói, tại số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi. Hiện trạng, cấu trúc của căn nhà được xây dựng từ năm 1956 đến nay, không thay đổi. Hiện nay, bà T, bà M, ông Nguyễn Hiền A (chồng bà M), chị Nguyễn Lan Th (con bà Minh), cháu Trịnh Nguyễn Thiên Ph (cháu ngoại bà M) đang sinh sống trong căn nhà.

Sau khi cụ Ch chết, cụ L cùng các con tiếp tục ở trong căn nhà này. Sở xây dựng tỉnh A Gi cấp giấy hợp thức hóa căn nhà vào ngày 06/9/1993. Đến năm 1995, cụ L chết.

Khởi kiện lần đầu, năm 1999 chia di sản thừa kế của cụ Ch, cụ L. Sau nhiều cấp xét xử, các bản án chưa có hiệu lực. Năm 2008, giữa bà và bà T thỏa thuận bán tài sản tranh chấp, tự phân chia nên bà rút lại đơn khởi kiện và Tòa án đã ban hành Quyết định số 48/2008/QĐDS ngày 25/11/2008 đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Tuy nhiên, sau đó bà T không thực hiện thỏa thuận nên bà tiếp tục tranh chấp thừa kế, kéo dài. Nay, Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, quy định thời hiệu yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Liệt vẫn còn.

Vì vậy, bà Á yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ L chết để lại là  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi.

*Bà Trần Thị T, do ông Phạm Thành B đại diện trình bày:*

Vụ án tranh chấp đã được đưa ra xét xử nhiều lần, nhiều cấp xét xử đều nhận định di chúc của cụ Dương Thị L để lại tài sản cho bà Trần Thị T là di chúc hợp pháp và đã có kết luận giám định rõ ràng là chữ ký của cụ L.

Ngoài ra, theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 48/QĐST-DS ngày 25/11/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh A Gi đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị từ ngày 25/11/2008 đến nay, cho nên từ thời điểm này vụ kiện chia di sản thừa kế của bà Á và những người có liên quan cũng đã hết thời hiệu trước năm 2012.

Do đó, bà Trần Ghiệt Á khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật là không đúng quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự.

Theo di chúc, cụ L chết để lại cho bà Trần Thị Ch thừa hưởng các công đất thuộc xã M H H, thành phố L X nhưng bà Ch đã chết trước nên các con của bà Ch không được thừa hưởng theo quy định của pháp luật.

*Ông B đại diện cho ông Dương Anh T trình bày:* Trường hợp Tòa án xét xử cho T được hưởng di sản thì ông T tự nguyện tặng cho bà Trần Thị T.

*Các ông bà Dương Công Ch, Dương Minh H, Dương Thị M, Dương Quang V, Dương Trần Ngọc B, Dương Trần Thanh Ph cùng trình bày:*

Ông, bà ngoại là cụ Trần Ngọc Ch (chết ngày 15/04/1980, cụ Dương Thị L chết ngày 11/8/1995) sinh 03 người con gồm: bà Trần Thị Ch, Trần Ghiệt Á và Trần Thị T.

Cha mẹ của các ông bà là Trần Thị Ch (chết ngày 28/06/1995) và ông Dương Văn D (chết ngày 10/04/2014) sinh 8 người con gồm : Dương Minh H, Dương Công Ch, Dương Thị M, Dương Anh T, Dương Anh K (chết ngày 27/01/2015, có vợ là bà Trần Thị H và 02 người con Dương Trần Quan A và Trần Quan Nh), Dương Quang V, Dương Trần Ngọc B, Dương Trần Thanh Ph.

Nay, các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ghiệt Á về chia di sản của cụ ngoại (cụ L) theo quy định pháp luật.

*Các đồng thừa kế của ông Dương Anh K do bà Trần Thị H đại diện trình bày:* Bà và ông Dương Anh K có 02 người con gồm Dương Trần Quan A và Trần Quan Nh. Bà H thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á và yêu cầu được hưởng giá trị di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L X đã tuyên xử:*

Căn cứ vào:

+ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 244, Điều 232, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Thông tư hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ghiệt Á đối với bà Trần Thị T.

1.1. Tuyên bố di chúc do bà Dương Thị L lập ngày 27/12/1989 có chứng thực của Ban khóm B L 2 là không hợp pháp.

1.2. Xác định  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là căn nhà có diện tích  $111,6m^2$  gắn liền với phần đất có diện tích  $130,6m^2$  tọa lạc tại số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi là di sản thừa kế của cụ Dương Thị L (chết ngày 11/8/1995).

1.3. Giá trị di sản thừa kế đối với di sản thừa kế là 2.029.500.600 đồng (*Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn sáu trăm đồng*).

1.4. Giao cho bà Trần Thị T được toàn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà có diện tích  $111,6m^2$  gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích  $130,6m^2$ , tại số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh L X lập ngày 18/11/2019.

Bà Trần Thị T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

1.5. Bà Trần Thị T có trách nhiệm hoàn trả giá chênh lệch chia di sản cho bà Trần Ghiệt Á số tiền 676.500.200 đồng (*Sáu trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn hai trăm đồng*).

1.6. Bà Trần Thị T có trách nhiệm hoàn trả giá chênh lệch chia di sản cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị Ch nhận kỷ phần trị giá 676.500.200 đồng (*Sáu trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn hai trăm đồng*), cụ thể:

- 1.6.1. Ông Dương Minh H được nhận số tiền 84.562.000 đồng;
- 1.6.2. Ông Dương Công Ch được nhận số tiền 84.562.000 đồng;
- 1.6.3. Ông Dương Quang V được nhận số tiền 84.562.000 đồng;
- 1.6.4. Ông Dương Trần Ngọc B được nhận số tiền 84.562.000 đồng;
- 1.6.5. Ông Dương Trần Thanh Ph được nhận số tiền 84.562.000 đồng;
- 1.6.6. Bà Dương Thị M được nhận số tiền 84.562.000 đồng;
- 1.6.7. Các đồng thừa kế của ông Dương Anh K do bà Trần Thị H đại diện nhận số tiền 84.562.000 đồng;

2. Các ông bà Dương Thị M, Nguyễn Hiền A, Nguyễn Lan Th, Nguyễn Thiên Ph có trách nhiệm di dời tài sản, vật dụng sinh hoạt cá nhân đi nơi khác để giao căn nhà và đất nêu trên cho bà Trần Thị T sở hữu, sử dụng được quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản: Nguyên đơn tự nguyện nộp tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.012.000 đồng. Bà Trần Ghiệt Á đã nộp đủ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự, áp dụng luật thi hành án và tuyên về phần quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, bà Trần Ghiệt Á kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại mức giá mà cấp sơ thẩm áp dụng là thấp hơn so với giá trị trường.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và không tự thỏa thuận được với nhau, mặc dù Hội đồng xét xử đã gợi ý hòa giải giữa các bên.

Ông Phạm Thành B, đại diện cho bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Á là nguyên đơn. Bởi vì, nhà đất bà T đã có di chúc hợp pháp; bà Á không có quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện đã hết.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 64, Điều 285, Điều 286, Điều 292, Điều 294 và Điều 297 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và Đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về hình thức, đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1] Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ Điều 37 và Điều 38 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xác định đúng thẩm quyền.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Các đương sự vắng mặt đều có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[4] Về nội dung:

[4.1] Bà Trần Giệt Á khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Dương Thị L (chết ngày 11/8/1995) để lại là  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 16/5, đường Trần Hưng Đ, khóm B L 2, phường M B, thành phố L X, tỉnh A Gi.

[4.2] Bà Trần Thị T không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà Á vì vụ án đã qua nhiều lần xét xử và nhận định di chúc của cụ L để lại cho bà là di chúc hợp pháp.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang cũng có lần ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

[4.3] Các con, cháu bà Trần Thị Ch (chết ngày 28/6/1995) cũng có yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật

[4.4] Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu

độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với những căn cứ sau:

[4.4.1] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thì: “*Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này*”. Vì vậy, áp dụng quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/01/2017. Trong trường hợp này, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Bà Á nộp đơn khởi kiện vào ngày 15/01/2019, thì thời hiệu chia thừa kế đối với bất động sản (căn nhà số 16/5) do cụ Trần Ngọc Ch (chết ngày 15/4/1980) để lại đã hết nhưng thời hiệu chia di sản thừa kế đối với bất động sản (căn nhà số 16/5) do cụ Dương Thị L (chết ngày 11/8/1995) để lại vẫn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù vào năm 2008 nguyên đơn, bà Trần Giết Á rút đơn khởi kiện lần đầu và Tòa án tỉnh An Giang đã căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 193, Điều 194 Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 đình chỉ giải quyết đối với vụ án. Sau đó, bà Á tiếp tục khởi kiện, vì không thỏa thuận được với bị đơn, bà Trần Thị T. Tại Bản án phúc thẩm số 93/2014/DSPT ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 68/2013/DS-ST ngày 03/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về “Chia di sản thừa kế” do hết thời hiệu khởi kiện.

Tuy nhiên, căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án và Án lệ số 26/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Á và những người thừa kế của bà Ch là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4.4.2] Về di chúc ngày 27/12/1989 do cụ Dương Thị L lập để lại căn nhà gắn liền đất cho bà Trần Thị T, tuy được Ban khóm xác nhận nhưng chưa được chứng thực của Ủy ban nhân dân phường là chưa hợp pháp theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Bà Á kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng, thời điểm định giá để cấp sơ thẩm làm căn cứ đến nay đã hơn 01 năm, không còn phù hợp với giá thị trường nhà đất tại phường Mỹ Bình, thành phố Long Long, cho nên bà Á yêu cầu là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5.1] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/4/2022 người đại diện cho bị đơn không đồng ý kết quả định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á, yêu cầu định giá, thẩm định và đo đạc lại đất. Ngày 18/4/2022 Tòa án giới thiệu ông B ký hợp đồng với Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú nhưng ông không ký được

hợp đồng. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định căn nhà gắn liền đất mà nguyên đơn khởi kiện vẫn y như hiện trạng sử dụng theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 18/11/2019 (ông Bé chỉ đo cùng với bà Án). Vì vậy, yêu cầu của ông B là không cần thiết, không liên quan đến diện tích nhà đất tranh chấp trong vụ án.

[5.2] Đối với yêu cầu định giá lại, nhưng sau đó không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, về giá trị hiện nay của căn nhà phía Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á đã điều chỉnh lại cho phù hợp. Kết quả, nhà ở 111,6m<sup>2</sup>, chất lượng còn lại 30%, đơn giá 2.149.230đ = 71.956.220đ; nhà vệ sinh 4,6m<sup>2</sup>, chất lượng còn lại 30%, đơn giá 5.238.000đ = 7.228.440đ, tổng cộng là 79.184.660 đồng; quyền sử dụng đất diện tích 130,6m<sup>2</sup>, đơn giá 69.767.000đ = 9.111.570.200đ. Cộng chung nhà và đất là 9.190.754.860 đồng (tăng so với án sơ thẩm).

[5.3] Ngoài ra, người đại diện cho bị đơn còn cho rằng khi còn sống cụ L đã thế chấp căn nhà số 16/5 để vay tiền Ngân hàng, bà T và ông bỏ tiền ra trả thay; bà Ghiệt Á cũng đồng ý bán nhà trả nợ theo các bản án trước đây.

Hội đồng xét xử xét thấy, vào năm 1999 Ngân hàng Công thương đã tranh chấp về số tiền cụ L vay còn nợ, tài sản thế chấp là căn nhà số 16/5 và Tòa án đã xét xử xong, trong đó có nêu trách nhiệm trả nợ thay cụ L là bà T. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết từ ngày 18/01/2019 cho đến khi cấp phúc thẩm thụ lý, do bà T không đồng ý chia di sản của cụ L để lại cho bà Á nên bà không yêu cầu cho nên không có căn cứ xem xét khác.

Nếu sau này bà có căn cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ tài chính do cụ L (chết để lại) thì có quyền yêu cầu những người hưởng thừa kế di sản của cụ L trả lại số tiền theo quy định tại 637 Bộ luật Dân sự năm 2015 và sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xác định giá trị di sản của cụ Ch và cụ L theo Chứng thư thẩm định giá ngày 17/02/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á là 9.190.754.860 đồng (làm tròn số 9.190.754.000 đồng); nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan yêu cầu chia ½ di sản của cụ L tương đương 4.595.377.000 đồng là có lợi cho bị đơn và án sơ thẩm chia cho 03 người gồm bà Á, T và Ch (người thừa kế hưởng) mỗi người 01 kỷ phần là có căn cứ. Do giá trị di sản định giá lại tăng, nên Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Á sửa án sơ thẩm. Cụ thể: 4.595.377.000 đồng : 3 = 1.531.792.000 đồng (tròn số)/kỷ phần.

[6.1] Kỷ phần của bà Ch (chết trước cụ L) được giao cho 08 con thừa kế thế vị (trừ ông Dương Anh T nhường kỷ phần được hưởng cho bà Trần Thị T; ông Dương Anh K do vợ Trần Thị H và các con Dương Trần Quan A, Trần Quang Nh hưởng), mỗi người nhận 191.474.000 đồng (tròn số).

[6.2] Di sản có nhiều người cùng sinh sống, quản lý, sử dụng và cùng được hưởng kỷ phần chung nên cấp sơ thẩm không xem xét về chi phí bảo quản là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị năm 2014, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành bản án số 93 Đình chỉ giải quyết vụ án chia thừa kế do hết thời hiệu. Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng



dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Tư, Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và Đình chỉ giải quyết vụ án. Đề nghị trên, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Ghiệt Á, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 750.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng 1.500.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà số tiền 750.000 đồng (do ông Phạm Thành B đại diện nhận).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[10.1] Bà Trần Ghiệt Á, bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng thuộc trường hợp là người cao tuổi được miễn.

[10.2] Những người thừa kế của bà Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[11.1] Yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận, bà phải nộp án phí nhưng thuộc trường hợp là người cao tuổi được miễn.

[11.2] Yêu cầu kháng cáo của bà Á được chấp nhận, bà không phải nộp án phí (đã được miễn nộp tạm ứng án phí).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 227; Điều 228 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651 và 657 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 26/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản.;

Căn cứ Điều 12 và Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T, do ông Phạm Thành B đại diện.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Ghiệt Á, do ông Mai Hữu T đại diện.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ghiệt Á đối với bà Trần Thị T.

2. Tuyên bố di chúc do bà Dương Thị L lập ngày 27/12/1989 là không hợp pháp.

3. Xác định  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là căn nhà có diện tích  $111,6m^2$  gắn liền với phần đất có diện tích  $130,6m^2$  tọa lạc tại số 16/5, đường Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang là di sản thừa kế của cụ Dương Thị L (chết ngày 11/8/1995).

3.1 Giá trị  $\frac{1}{2}$  di sản thừa kế của cụ Liệt là 4.595.377.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm chín mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

3.2 Giao cho bà Trần Thị T được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà diện tích  $111,6m^2$  gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích  $130,6m^2$ , tại số 16/5, đường Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 18/11/2019.

Bà Trần Thị T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3.3 Bà Trần Thị T phải hoàn số tiền chênh lệch chia di sản cho bà Trần Ghiệt Án là 1.531.792.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và phải hoàn số tiền chênh lệch chia di sản cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị Ch là 1.531.792.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng), cụ thể:

- Ông Dương Minh H được nhận số tiền 191.474.000 đồng;
- Ông Dương Công Ch được nhận số tiền 191.474.000 đồng;
- Ông Dương Quang V được nhận số tiền 191.474.000 đồng;
- Ông Dương Trần Ngọc B được nhận số tiền 191.474.000 đồng;
- Ông Dương Trần Thanh Ph được nhận số tiền 191.474.000 đồng;
- Bà Dương Thị M được nhận số tiền 191.474.000 đồng;
- Các đồng thừa kế của ông Dương Anh K do bà Trần Thị H đại diện nhận số tiền 191.474.000 đồng;

2. Các ông bà Dương Thị M, Nguyễn Hiền A, Nguyễn Lan Th, Nguyễn Thiên Ph có trách nhiệm di dời tài sản, vật dụng sinh hoạt cá nhân đi nơi khác để giao căn nhà và đất nêu trên cho bà Trần Thị T sở hữu, sử dụng được quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 750.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng 1.500.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà số tiền 750.000 đồng (do ông Phạm Thành B đại diện nhận).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Trần Ghiệt Á, bà Trần Thị T được miễn.

4.2. Các ông, bà: Dương Công Ch, Dương Minh H, Dương Thị M, Dương Quang V, Dương Trần Ngọc B, Dương Trần Thanh Ph mỗi người phải chịu 9.574.000 đồng.

4.3. Các đồng thừa kế của ông Dương Anh K do bà Trần Thị H đại diện phải chịu 9.574.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Á và bà T được miễn.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Văn Hai**

